

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG GIÁM SÁT THI CÔNG

Số: /2025/HĐ-TVGS

Ngày: / /2025

DỰ ÁN:

Giữa

KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ III

và

Năm 2025

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSDX	Hồ sơ đề xuất
Luật Xây dựng số 50/2014/QH13	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.
Luật số 62/2020/QH14	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
Nghị định 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng
Nghị định 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng
Nghị định 06/2021/NĐ-CP	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng
Nghị định 175/2024/NĐ-CP	Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày tháng năm 2024 tại Khu Quản lý đường bộ III, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư:

Tên giao dịch : **KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ III**
Đại diện là : Chức vụ:
Địa chỉ : 16 Lý Tự Trọng – TP Đà Nẵng.
Tài khoản : 9527.1.1119349 tại Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng.
Mã số thuế : 0400261327
Điện thoại : 0236.3821 854; Fax : 0236.3822 064.

Và bên kia là:

2. Nhà thầu tư vấn:

Tên giao dịch :
Người đại diện : - Chức vụ:
Địa chỉ ĐKKD :
Tài khoản số :
Mã số thuế :
Điện thoại : - Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng Giám sát thi công dự án như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 tháng 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ các Quyết định liên quan...;

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ III.
2. Nhà thầu tư vấn là .
3. Dự án là dự án.....
4. Công trình là.....
5. Gói thầu là Giám sát thi công.
6. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.
7. Đại diện Nhà thầu tư vấn là người được Nhà thầu tư vấn nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu tư vấn chỉ định và thay mặt Nhà thầu tư vấn điều hành công việc.
8. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu tư vấn để trực tiếp thực hiện công việc.
9. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 3 [Hồ sơ hợp đồng tư vấn và thứ tự ưu tiên].
10. HSMT (hoặc HSYC) của Chủ đầu tư là toàn bộ tài liệu theo quy định của Chủ đầu tư.
11. HSDT (hoặc HSDX) của Nhà thầu tư vấn là toàn bộ tài liệu theo quy định của Nhà thầu tư vấn.

12. Đơn dự thầu là đề xuất của Nhà thầu tư vấn có ghi giá dự thầu để thực hiện công việc theo đúng các yêu cầu của HSMT (hoặc HSYC).
13. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tư vấn tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
14. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
15. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.
16. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.
2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:
 - a) Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;
 - b) Hợp đồng, các tài liệu kèm theo hợp đồng và các phụ lục kèm theo hợp đồng;
 - c) HSMT hoặc HSYC của Chủ đầu tư;
 - d) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;
 - đ) HSDT hoặc HSDX của Nhà thầu tư vấn;
 - e) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;
 - g) Các phụ lục của hợp đồng;
 - i) Các tài liệu khác có liên quan.
3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.
2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng: Không thực hiện.

Điều 7. Nội dung và khối lượng công việc tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình

1. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của Nhà thầu tư vấn thực hiện được thể hiện cụ thể trong hợp đồng và các thỏa thuận tại các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các bên, bao gồm giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động, bảo vệ môi trường... trong quá trình thi công, cụ thể:

+ Đối với giám sát thi công xây dựng công trình: Phải đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ;

+ Đối với giám sát nhà thầu thi công chấp hành quy định về bảo đảm kích thước thùng hàng và tải trọng xe khi vận chuyển thiết bị và vật liệu phục vụ thi công công trình: Phải đáp ứng quy định tại Văn bản số 1584/TCĐBVN-CQLXDĐB ngày 02/4/2015 của Tổng cục ĐBVN.

+ Đối với giám sát Nhà thầu thực hiện các biện pháp đảm bảo môi trường: Nhà thầu tư vấn giám sát phải thay mặt Chủ đầu tư tổ chức giám sát, đôn đốc nhà thầu thi công thực hiện các biện pháp đảm bảo môi trường; định kỳ hàng tuần đánh giá sự tuân thủ môi trường của nhà thầu, lập và lưu trữ biên bản đánh giá theo mẫu ban hành tại Phụ lục được ban hành theo công văn số 1080/CQLĐBIII-QLBTĐB ngày 10/8/2022 của Cục QLĐBIII (nay là Khu QLĐBIII) và theo quy định Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

2. Nhà thầu tư vấn phải lập và trình sản phẩm của hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình bao gồm:

a) Báo cáo định kỳ hoặc báo cáo theo giai đoạn thi công xây dựng theo quy định tại Phụ lục IVA Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. Chủ đầu tư quy định việc lập báo cáo định kỳ hoặc báo cáo theo giai đoạn thi công xây dựng và thời điểm lập báo cáo.

b) Báo cáo hoàn thành công tác giám sát thi công xây dựng gói thầu, giai đoạn, hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại Phụ lục IVB Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

c) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Điều 8. Căn cứ và trình tự nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Căn cứ nghiệm thu:

- Hợp đồng tư vấn tư vấn giám sát đã ký kết giữa các bên;
- Hồ sơ báo cáo kết quả giám sát thi công xây dựng;
- Nhiệm vụ và quy trình giám sát thi công xây dựng được duyệt.

2. Trình tự nghiệm thu:

Sau khi nhà thầu thi công hoàn thành các hạng mục công việc của gói thầu thi công xây dựng theo Hợp đồng thì chủ đầu tư sẽ tiến hành nghiệm thu công tác tư vấn giám sát cho nhà thầu giám sát theo đợt (nếu có) và khi công trình bàn giao đưa vào sử dụng thì sẽ nghiệm thu toàn bộ công tác giám sát.

Điều 9. Giá hợp đồng:

1. Giá hợp đồng:

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền:**đồng** (Đã bao gồm thuế VAT 8%)
(*Bằng chữ:*).

- Giá Hợp đồng trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và toàn bộ chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện công việc theo Hợp đồng.

b) Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo **Điều 10 [Điều chỉnh Hợp đồng tư vấn xây dựng]**.

2. Nội dung của giá hợp đồng

a) Nội dung của giá hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình bao gồm:

- Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Chi phí khác có liên quan.

b) Giá hợp đồng tư vấn xây dựng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư.

- Chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng:

a) Việc điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng bao gồm cả thời gian được gia hạn thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật.

b) Giá hợp đồng sau điều chỉnh (bao gồm cả khối lượng công việc phát sinh hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng đã ký) không vượt giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt thì Chủ đầu tư được quyền quyết định điều chỉnh; trường hợp vượt giá gói thầu hoặc dự toán của gói thầu đã được phê duyệt thì phải được Người có thẩm quyền quyết định đầu tư chấp thuận trước khi điều chỉnh.

2. Các trường hợp được điều chỉnh hợp đồng:

Hợp đồng này chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 143 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014:

a) Khi Nhà nước thay đổi các chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng.

b) Khi dự án được điều chỉnh có ảnh hưởng đến hợp đồng, cụ thể: Khối lượng công việc bổ sung hợp lý hoặc những khối lượng thay đổi giảm là những khối lượng công việc nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện của thiết kế kèm theo hợp đồng; hoặc những công trình, hạng mục công trình, công việc không phải thực hiện của thiết kế kèm theo hợp đồng.

c) Các trường hợp bất khả kháng quy định tại Khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, bất khả kháng khác (như: khi thi công gặp hang castơ, túi bùn, cổ vật, khảo cổ) mà các bên không lường trước được khi ký hợp đồng, được Người quyết định đầu tư chấp thuận.

3. Các nội dung điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng:

3.1. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

3.2. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn:

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39

Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

+ Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

4. Điều chỉnh giá hợp đồng:

4.1. Khi điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng dẫn đến phải điều chỉnh, bổ sung hợp đồng thì phải ký kết phụ lục hợp đồng làm cơ sở điều chỉnh giá hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm phê duyệt hoặc trình phê duyệt dự toán điều chỉnh, phát sinh theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và hợp đồng xây dựng làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

- Trong mọi trường hợp, khi Chủ đầu tư cho phép nhà thầu thi công triển khai thực hiện các khối lượng điều chỉnh, bổ sung đối với gói thầu xây lắp thuộc công trình, nhà thầu Giám sát thi công xây dựng phải thực hiện ngay và vô điều kiện việc Giám sát thi công xây dựng đối với các khối lượng này theo thiết kế điều chỉnh, bổ sung được duyệt. Khi dự toán gói thầu Giám sát thi công xây dựng thuộc công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh, hai bên sẽ tiến hành ký Phụ lục điều chỉnh giá hợp đồng để làm cơ sở thanh quyết toán; khi dự toán gói thầu Giám sát thi công xây dựng thuộc công trình được cấp có thẩm quyền giữ nguyên không điều chỉnh, hai bên tiến hành thanh quyết toán hợp đồng theo giá hợp đồng đã ký;

- Khi công trình gặp các tình huống bất khả kháng dẫn đến phải điều chỉnh dự án, điều chỉnh thiết kế, dự toán hoặc điều chỉnh hợp đồng nhằm phù hợp với thực tế;

4.2. Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng

- Trường hợp dự án được điều chỉnh quy mô, giải pháp sửa chữa, bổ sung hạng mục sửa chữa ... làm phát sinh tăng khối lượng thi công nằm ngoài hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt, giá hợp đồng điều chỉnh được xác định bằng tổng giá trị hợp đồng đã ký và bổ sung chi phí Quản lý dự án được xác định bằng tỷ lệ định mức tư vấn Quản lý dự án trong dự toán gói thầu đã được phê duyệt (trước thời điểm ký kết hợp đồng) nhân (x) với giá trị khối lượng phát sinh tăng và nhân (x) với tỷ lệ giảm giá (nếu có)¹;

- Trường hợp giảm khối lượng thi công đã có trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt thì giá hợp đồng điều chỉnh được xác định bằng giá trị hợp đồng đã ký và

¹ Tỷ lệ giảm giá được xác định bằng tỷ lệ giá trúng thầu và giá gói thầu / dự toán gói thầu được duyệt trước thời điểm đóng thầu

giảm trừ chi phí Quản lý dự án được xác định bằng tỷ lệ định mức Quản lý dự án trong dự toán gói thầu đã được phê duyệt (trước thời điểm ký kết hợp đồng) nhân (x) với giá trị khối lượng phát sinh giảm;

+ Không điều chỉnh giá hợp đồng trong trường hợp phát sinh tăng khối lượng thi công các hạng mục công việc đã có trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt.

5. Trường hợp là Nhà thầu liên danh: Việc điều chỉnh khối lượng công việc giữa các thành viên trong liên danh nhà thầu không làm thay đổi giá hợp đồng xây dựng thì chủ đầu tư quyết định trên cơ sở thỏa thuận, thống nhất của các thành viên liên danh và năng lực, kinh nghiệm.

6. Điều chỉnh các nội dung khác của hợp đồng: Hai bên thống nhất điều chỉnh trên cơ sở các thỏa thuận trong hợp đồng đã ký và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

1. Quyền của Nhà thầu tư vấn:

Các quyền theo quy định tại Khoản 1 - Điều 122 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn.

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn.

e) Kiến nghị Chủ đầu tư tạm dừng thi công đối với nhà thầu thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không bảo đảm an toàn.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn:

Các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 - Điều 122 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Các cán bộ Tư vấn giám sát và Tổ chức TVGS phải chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ đầu tư về pháp luật nếu để xảy ra vi phạm về chất lượng, tiến độ thực hiện và biện pháp tổ chức an toàn lao động, vệ sinh môi trường, an toàn giao thông trong quá trình triển khai gói thầu.

c) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu làm việc do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

d) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu tư vấn trong việc thực hiện công việc tư vấn

xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm.

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu ngày hoàn thành và bàn giao công trình xây dựng.

m) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

n) Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của Chủ đầu tư đối với tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình.

o) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết và các quy định của pháp luật hiện hành.

p) Giám sát Nhà thầu thi công chấp hành quy định về bảo đảm kích thước thùng hàng và tải trọng xe khi vận chuyển thiết bị và vật liệu phục vụ thi công công trình;

q) Giám sát Nhà thầu thi công trong việc thực hiện các biện pháp bảo đảm môi trường, định kỳ hàng tuần đánh giá sự tuân thủ môi trường của Nhà thầu thi công theo quy định tại Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Chỉ thị số 01/CT-BGTVT ngày 19/01/2023 của Bộ GTVT.

s) Xây dựng Đề cương tư vấn giám sát trình Chủ đầu tư chấp thuận, phê duyệt trước khi triển khai thực hiện;

t) Có văn bản cử cán bộ có đủ năng lực và kinh nghiệm tham gia thực hiện gói thầu đáp ứng quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này, gửi cho Chủ đầu tư 01 bản và Đơn vị quản lý dự án 01 bản;

u) Bảo đảm điều kiện ăn, ở, đi lại cho các Giám sát viên đề thường xuyên có mặt tại hiện trường trong suốt quá trình thi công công trình;

v) Khi có nhu cầu thay đổi nhân sự tham gia thực hiện gói thầu phải có văn bản đề nghị Chủ đầu tư và khi được Chủ đầu tư chấp thuận mới được thay đổi;

x) Phối hợp với Quản lý dự án lập và cung cấp cho Chủ đầu tư các biên bản:

- Biên bản kiểm tra các điều kiện khởi công công trình theo quy định tại Điều 107 của Luật Xây dựng số 50/2013/QH13;

- Biên bản kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình so với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm các yếu tố: Nhân lực, thiết bị thi công, phòng thí nghiệm hiện trường, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình (có thể lập riêng cho từng yếu tố hoặc lập chung cho tất cả các yếu tố);

- Biên bản kiểm tra định kỳ hàng tuần về bảo vệ môi trường (theo mẫu tại Phụ lục theo công văn số 1080/CQLĐBIII-QLBTĐB ngày 10/8/2022 của Cục QLĐBIII (nay là Khu QLĐBIII) và theo quy định Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường), các biện pháp đảm bảo an toàn đối với công trình lân cận (nếu có), việc đảm bảo an toàn lao động theo quy định của quy chuẩn, quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật về an toàn lao động;

- Biên bản kiểm tra sự chấp hành của nhà thầu thi công xây dựng công trình về Kế hoạch bảo đảm kích thước thùng hàng và tải trọng xe trước khi triển khai thi công xây dựng công trình.

y) Lập và cung cấp các báo cáo:

- Báo cáo định kỳ: Cung cấp cho Chủ đầu tư, Nhà thầu thi công các báo cáo định kỳ hàng tuần về các công việc do Bộ phận thi công đã và đang thực hiện tại công trường, trong đó có báo cáo các công việc đã hoàn thành và được nghiệm thu trong kỳ báo cáo, nhận xét, đánh giá của bộ phận Giám sát thi công xây dựng về khối lượng, chất lượng, tiến độ, an toàn lao động và vệ sinh môi trường;

- Báo cáo nghiệm thu từng hạng mục: Sau mỗi công đoạn thi công phải thực hiện công tác nghiệm thu bộ phận, hạng mục công trình đã hoàn thành để đánh giá về mặt kỹ thuật và chất lượng cũng như khối lượng công việc đã hoàn thành, nhận xét và đưa ra phương hướng thực hiện các công đoạn tiếp theo;

- Báo cáo về công tác giám sát thi công xây dựng công trình khi Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình đưa vào sử dụng theo quy định;

- Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ đầu tư;

- Thực hiện đầy đủ các nội dung theo Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 19/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong tình hình mới và Công điện số 55/CD-BGTVT ngày 14/11/2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT về tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình, an toàn lao động.

- Cử Giám sát viên đến hiện trường để giám sát việc thi công sửa chữa các hư hỏng, khiếm khuyết của công trình do Nhà thầu thi công gói thầu xây lắp hoặc Nhà thầu thi công khác do Chủ đầu tư chỉ định thực hiện trong thời gian bảo hành công trình.

- Trường hợp gói thầu xây dựng có sử dụng lu rung để thi công lu lèn nên để phòng ngừa trường hợp người dân khiếu nại trường hợp có hư hỏng công trình, nứt nhà: Để cơ sở xác định việc hư hỏng công trình, nứt nhà (nếu có) xảy ra trước hay sau khi thi công gói thầu, Nhà thầu thi công chủ trì và Tư vấn giám sát tham gia (trường hợp gói thầu có Tư vấn Quản lý dự án thì Tư vấn Quản lý dự án chủ trì) mời UBND cấp xã và các hộ dân trong phạm vi thi công có tuyến đường đi qua để kiểm tra, xác nhận tình trạng công trình, nhà dân và lập biên bản làm việc (kèm theo hình ảnh, video) trước khi tiến hành thi công ngoài hiện trường.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:

a) Các quyền theo quy định tại Khoản 1 - Điều 121 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Điều 14 – Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ;

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của Nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu tư vấn.

đ) Yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

e) Đình chỉ thực hiện hoặc chấm dứt hợp đồng theo quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

a) Các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 - Điều 121 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Điều 14 – Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ;

b) Tạo điều kiện tốt nhất có thể để Nhà thầu thực hiện công việc tư vấn;

c) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Hướng dẫn Nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án; tạo điều kiện để Nhà thầu tư vấn được tiếp cận với công trình, thực địa.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu tư vấn.

g) Tạo điều kiện cho Nhà thầu tư vấn thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.

Điều 13. Nhà thầu phụ (nếu có)

1. Đối với nhà thầu phụ chưa có danh sách trong Hợp đồng, nhà thầu phải trình danh sách, hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ cũng như phạm vi công việc mà nhà thầu phụ sẽ đảm nhận để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận bằng văn bản trước khi ký hợp đồng thầu phụ.

2. Nhà thầu tư vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư về chất lượng, tiến độ cũng như các sai sót của nhà thầu phụ.

3. Nhà thầu tư vấn cam kết với Chủ đầu tư rằng sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản chi phí cho nhà thầu phụ được quy định trong hợp đồng thầu phụ.

Điều 14. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

1. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng, hai bên thống nhất bố trí nhân sự chủ chốt thực hiện gói thầu:

STT	Họ và tên	Số Chứng chỉ	Chức danh đảm nhận

STT	Họ và tên	Số Chứng chỉ	Chức danh đảm nhận

*Ghi chú: Trường hợp gói thầu xây lắp có hạng mục sản xuất Bê tông nhựa thì Nhà thầu tư vấn giám sát phải tăng cường thêm giám sát viên vật liệu.

+ Văn bản điều động hoặc phân giao nhiệm vụ cho các cá nhân tham gia thực hiện gói thầu phải gửi cho Bên A ngay sau khi hợp đồng được hai bên ký kết;

2. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nhà thầu tư vấn giám sát phải có văn bản đề nghị thay đổi nhân sự và được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản. Nếu Nhà thầu đơn phương thay đổi nhân sự mà không có văn bản chấp thuận của Chủ đầu tư thì coi như Nhà thầu vi phạm hợp đồng và sẽ bị xử lý theo quy định của hợp đồng.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Khi có yêu cầu của Chủ đầu tư vào bất kỳ thời điểm nào trong thời gian thực hiện hợp đồng và trong thời gian bảo hành công trình nếu có phát sinh hư hỏng hoặc có sự cố xảy ra (kể cả ngày nghỉ), Nhà thầu phải cử ngay đại diện có đủ thẩm quyền và năng lực để cùng các bên tham gia giải quyết;

5. Nhà thầu tư vấn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

6. Nhà thầu tư vấn tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu tư vấn không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 15. Bảo hiểm

Nhà thầu mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 16. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Nhà thầu tư vấn phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu tư vấn đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Nhà thầu tư vấn bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu tư vấn sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu tư vấn.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

6. Các biện pháp thực hiện trong tình trạng bất khả kháng

a) Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiến hành các biện pháp để hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng với thời gian sớm nhất và phải thông báo cho bên kia biết sự kiện bất khả kháng trong vòng 24h và trong bất kỳ tình huống nào cũng không chậm hơn 02 ngày sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra; cung cấp bằng chứng về bản chất và nguyên nhân, đồng thời thông báo việc khắc phục trở lại điều kiện bình thường vào thời gian sớm nhất.

b) Các bên sẽ thực hiện mọi biện pháp để giảm tới đa mức thiệt hại do sự kiện bất khả kháng gây ra.

c) Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, các bên sẽ gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của mình

d) Nếu trường hợp bất khả kháng xảy ra mà mọi nỗ lực của một bên hoặc các bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt công việc tại một thời điểm bất kỳ, một bên sẽ gửi thông báo việc chấp dứt hợp đồng bằng văn bản cho bên kia và việc chấm dứt sẽ có hiệu lực 02 ngày sau khi bên kia nhận được thông báo.

7. Thanh toán khi xảy ra bất khả kháng

Các khoản chi phí phát sinh hợp lý do nhà thầu phải chịu hậu quả bất khả kháng

để phục hồi hoạt động được chủ đầu tư xem xét để thanh toán.

Điều 17. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu tự vấn

a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu tự vấn có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu tự vấn phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu tự vấn phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

2. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 18. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt Hợp đồng bởi chủ đầu tư:

Chủ đầu tư có thể chấm dứt Hợp đồng sau 05 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

a) Nhà thầu không thực hiện một trong các nhiệm vụ quy định tại Điều 11 của Hợp đồng Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tự vấn.

b) Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 07 ngày mà chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư về sai sót đó.

c) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 20 của Hợp đồng [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tự vấn xây dựng] hoặc 05 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

d) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của chủ đầu tư.

đ) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được uỷ quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 21 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].

f) Nhà thầu cố ý trình chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của chủ đầu tư.

g) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 16 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

3. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

4. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 19 [Thanh toán, quyết toán và thanh lý hợp đồng] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực.

Điều 19. Thanh toán, quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Thanh toán: Trên cơ sở giá hợp đồng đã ký và kết quả nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn của gói thầu xây lắp thuộc dự án, Nhà thầu lập hồ sơ nghiệm thu thanh toán công tác Tư vấn giám sát tương ứng với mức độ hoàn thành của gói thầu xây lắp trình Chủ đầu tư kiểm tra chấp thuận để làm cơ sở thanh toán, với số lần thanh toán không quá 02 lần và phù hợp với kế hoạch vốn được cấp cho dự án, không tính lãi khi Chủ đầu tư thanh toán chậm;

2. Quyết toán hợp đồng

a) Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

b) Trong vòng 30 ngày kể từ khi gói thầu xây lắp được nghiệm thu hoàn thành để đưa vào sử dụng và Nhà thầu tư vấn giám sát hoàn thành các công việc của Hợp đồng, bao gồm các công việc phát sinh thuộc trách nhiệm Nhà thầu phải giải quyết theo quy định trong Hợp đồng hoặc trong Phụ lục điều chỉnh, bổ sung, Nhà thầu tiến hành thủ tục nghiệm thu công tác tư vấn giám sát để lập hồ sơ quyết toán hợp đồng trình Chủ đầu tư kiểm tra chấp thuận để làm cơ sở quyết toán hợp đồng. Hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán theo quy định Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn Đầu tư công (Mẫu số 03.a/TT);

- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng theo (Mẫu số 03.c/TT) Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn Đầu tư công.

- Giấy đề nghị thanh toán của nhà thầu (nếu có).

Chủ đầu tư sẽ thanh toán chi phí thực hiện hợp đồng cho nhà thầu khi có kế hoạch vốn của Cục Đường bộ Việt Nam bố trí và phù hợp với tiến độ giải ngân cho công trình. Nhà thầu sẽ không được tính lãi trong trường hợp phải bỏ vốn trước để thực hiện công trình hoặc khi Chủ đầu tư thanh toán chậm.

c) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu tư vấn chưa cung cấp đủ

cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu tư vấn sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

d) Đồng tiền thanh toán: Đồng tiền Việt Nam.

e) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

3. Thanh lý hợp đồng: Hợp đồng được tự thanh lý sau khi có Biên bản nghiệm thu hết thời hạn bảo hành công trình và hai bên hoàn thành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng hoặc trường hợp chấm dứt hợp đồng theo Điều 18 của Hợp đồng.

4. Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư: Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm với Nhà thầu các vấn đề liên quan đến Hợp đồng sau khi thanh lý Hợp đồng hoặc Chấm dứt Hợp đồng.

5. Trường hợp là Nhà thầu liên danh: việc thanh toán, quyết toán hợp đồng cho các thành viên liên danh được thực hiện theo Thỏa thuận liên danh được ký kết.

Điều 20. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Thời gian thực hiện hợp đồng:

Từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng xây dựng đã ký.

2. Thời gian thực hiện gói thầu:

- Thời gian bắt đầu : Từ ngày ký hợp đồng;

- Thời gian kết thúc: Chậm nhất sau 30 ngày kể từ khi gói thầu thi công xây dựng được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

Điều 21. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 07 ngày. Nếu những căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng

không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 22. Phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại

1. Phạt vi phạm hợp đồng:

1.1. Khi Chủ đầu tư và cơ quan chức năng xác định Tư vấn giám sát không có mặt tại hiện trường trong thời gian thực hiện hợp đồng thì tùy theo mức độ sẽ bị xử phạt vi phạm hợp đồng như sau:

a) Vi phạm lần thứ nhất: Chủ đầu tư có văn bản nhắc nhở, khiển trách và yêu cầu khắc phục theo tiến độ yêu cầu;

b) Vi phạm lần thứ hai: Chủ đầu tư có văn bản cảnh cáo Tư vấn giám sát; Chủ đầu tư quyết định việc tạm dừng thực hiện công việc trong Hợp đồng theo quy định cho đến khi Nhà thầu có biện pháp khắc phục được Chủ đầu tư chấp thuận;

c) Vi phạm lần thứ ba: Chủ đầu tư có văn bản yêu cầu thay thế Nhân sự chủ chốt của Tư vấn giám sát đồng thời phạt tiền với mức phạt bằng 12% phần giá trị hợp đồng vi phạm²;

1.2 Khi Chủ đầu tư và cơ quan chức năng xác định Tư vấn giám sát có lỗi trong việc để Nhà thầu thi công vi phạm hợp đồng về chất lượng, tiến độ, ATLĐ, môi trường, công tác đảm bảo ATGT theo Hợp đồng thi công thì Tư vấn giám sát sẽ bị xử phạt vi phạm hợp đồng tương ứng các hình thức xử phạt Nhà thầu thi công.

Trong trường hợp Nhà thầu thi công bị xử phạt về kinh tế thì mức xử phạt đối với Tư vấn giám sát (nếu có) được xác định bằng mức xử phạt kinh tế của Nhà thầu thi công nhân (x) với phần giá trị hợp đồng vi phạm.

1.3 Khi Chủ đầu tư và cơ quan chức năng xác định Tư vấn giám sát có lỗi trong việc Nhà thầu thi công sai phạm được Chủ đầu tư hoặc cơ quan chức năng đánh giá là *sai phạm nghiêm trọng về chất lượng* hoặc vi phạm về ATLĐ, môi trường, công tác đảm bảo ATGT dẫn đến *tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng* (gây thiệt hại về người) trên công trình thì Tư vấn giám sát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật theo phạm vi trách nhiệm có liên quan hoặc số lần vi phạm Hợp đồng của Nhà thầu vượt quá 03 lần thì Chủ đầu tư quyết định xử lý vi phạm Hợp đồng bằng một hoặc đồng thời các hình thức chấm dứt hợp đồng đã ký hoặc / và phạt vi phạm hợp đồng tối đa là 12% phần giá trị hợp đồng vi phạm hoặc / và với mức bồi thường thiệt hại (nếu có). Khi nhà thầu vi phạm hợp đồng dẫn đến phải chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét để xử lý cấm nhà thầu vi phạm tham gia đấu thầu các công trình do Khu Quản lý đường bộ III làm chủ đầu tư và thông báo rộng rãi trên mạng đấu thầu Quốc gia.

1.4 Nếu Nhà thầu vi phạm tiến độ thực hiện thanh toán hợp đồng theo quy định tại Điều 19 của Hợp đồng [Thanh toán, quyết toán và thanh lý hợp đồng] do lỗi của Tư vấn giám sát làm ảnh hưởng đến tiến độ quyết toán dự án hoàn thành hoặc tiến độ giải ngân của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ toàn quyền Quyết định mức xử phạt tùy theo mức độ và thông báo cho Tư vấn giám sát nhưng không quá 12% giá trị hợp đồng vi phạm (riêng trong trường hợp này, giá

² Phần giá trị hợp đồng vi phạm của Tư vấn giám sát được xác định bằng tương ứng tỷ lệ % giữa giá trị khối lượng xây lắp còn lại tại thời điểm vi phạm hợp đồng và giá trị hợp đồng xây lắp

trị hợp đồng vi phạm được xác định bằng giá trị quyết toán).

2. Bồi thường thiệt hại:

Nếu nhà thầu vi phạm hợp đồng gây ra các tổn thất, thiệt hại cho Chủ đầu tư và bên thứ ba (nếu có) thì nhà thầu có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng theo quy định tại Điều 146 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014. Trong đó, có một số nội dung cụ thể:

(1) Chủ đầu tư có cơ sở xác định cán bộ Tư vấn giám sát theo Hợp đồng đã ký kết không có mặt tại hiện trường hoặc để Nhà thầu thi công vi phạm hợp đồng về chất lượng dẫn đến phải tháo dỡ và làm lại mà không có văn bản (hoặc Biên bản) nhắc nhở, chấn chỉnh hoặc báo cáo, đề xuất với Quản lý dự án, Chủ đầu tư giải pháp xử lý, khắc phục;

(2) Chủ đầu tư có cơ sở xác định Tư vấn giám sát nhận thấy thực tế hiện trường có sai khác với hồ sơ khảo sát, thiết kế được duyệt (sai khác về kích thước hình học, địa chất, thủy văn, hiện trạng kết cấu hạng mục công trình...) mà không báo cáo, đề xuất Quản lý dự án, Tư vấn thiết kế, Chủ đầu tư xem xét, xử lý dẫn đến thi công không đảm bảo chất lượng công trình, buộc phải tháo dỡ và làm lại;

- Mức bồi thường thiệt hại của Tư vấn giám sát được xác định bằng tỷ lệ % giữa giá trị hợp đồng Tư vấn giám sát và giá trị Hợp đồng gói thầu xây lắp nhân (x) với giá trị khối lượng hạng mục phải tháo dỡ và làm lại

3. Trường hợp là Nhà thầu liên danh: điều khoản Phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại được áp dụng đối với từng thành viên liên danh tương ứng với phần việc đảm nhận của từng thành viên liên danh theo Thỏa thuận liên danh được ký kết.

Điều 23. Điều khoản chung

1. Hợp đồng Giám sát thi công thuộc dự áncó hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản và điều kiện đã quy định trong Hợp đồng.

3. Hợp đồng này được lập thành 09 bản có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư giữ 05 bản, Nhà thầu giữ 02 bản, Kho bạc nhà nước 01 bản.

Hai bên thống nhất cùng ký tên:

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A